

GRI 202: Sự hiện diện trên thị trường 2016

NGÀY HIỆU LỰC: NGÀY 1 THÁNG 7 NĂM 2018

TIÊU CHUẨN THEO CHỦ ĐỀ

202

GRI 202: Sự hiện diện trên thị trường 2016

Tiêu chuẩn theo Chủ đề

Ngày Hiệu Lực

Tiêu chuẩn này có hiệu lực đối với báo cáo hoặc tài liệu khác được phát hành vào hoặc sau ngày 1 tháng 7 năm 2018.

Trách nhiệm

Tiêu chuẩn này được [Hội đồng Tiêu chuẩn Phát triển Bền vững Toàn cầu \(GSSB\)](#) ban hành. Vui lòng gửi mọi ý kiến phản hồi về Bộ Tiêu chuẩn GRI tới gssbsecretariat@globalreporting.org để GSSB xem xét.

Quy trình Hợp lệ

Tiêu chuẩn này được xây dựng vì lợi ích cộng đồng và phù hợp với các yêu cầu trong Quy trình Hợp lệ của GSSB. Tài liệu này được xây dựng dựa trên chuyên môn của nhiều bên liên quan, có tham khảo các văn kiện liên chính phủ có thẩm quyền và kỳ vọng phổ biến của các tổ chức về trách nhiệm xã hội, môi trường và kinh tế.

Trách Nhiệm Pháp Lý

Tài liệu này nhằm mục đích hỗ trợ việc báo cáo phát triển bền vững và đã được Hội đồng Tiêu chuẩn Phát triển Bền vững Toàn cầu (GSSB) xây dựng thông qua quy trình tham vấn đa bên độc đáo với sự tham gia của đại diện từ các tổ chức và người dùng thông tin báo cáo trên toàn thế giới. Trong khi Hội đồng Giám sát GRI, Ban Quản lý và GSSB khuyến khích mọi tổ chức sử dụng Bộ tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển Bền vững GRI (Bộ Tiêu chuẩn GRI) và các Diễn giải có liên quan, thì việc chuẩn bị và công bố các báo cáo dựa hoàn toàn hoặc một phần vào Bộ Tiêu chuẩn GRI và các Diễn giải có liên quan hoàn toàn là trách nhiệm của người lập báo cáo. Hội đồng Giám sát GRI, Ban Quản lý, GSSB và tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) Stichting không chịu trách nhiệm về bất kỳ hậu quả hoặc thiệt hại nào phát sinh trực tiếp hoặc gián tiếp từ việc sử dụng Bộ Tiêu chuẩn GRI và các Diễn giải có liên quan trong quá trình lập báo cáo hoặc việc sử dụng báo cáo dựa vào Bộ Tiêu chuẩn GRI và các Diễn giải có liên quan.

Thông báo về bản quyền và nhãn hiệu

Tài liệu này được tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) Stichting bảo vệ bản quyền. Được phép sao chép và phân phối tài liệu này để cung cấp thông tin và/hoặc sử dụng trong quá trình lập báo cáo phát triển bền vững mà không cần GRI cho phép trước khi thực hiện. Tuy nhiên, không được phép sao chép, lưu trữ, dịch hoặc chuyển giao tài liệu này hoặc bất kỳ trích đoạn nào từ tài liệu này dưới bất kỳ hình thức hoặc phương tiện nào (điện tử, cơ học, photocopy, ghi âm hoặc cách khác) cho bất kỳ mục đích nào khác nếu không có văn bản cho phép của GRI trước khi thực hiện.

Tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu, GRI và logo, GSSB và logo, cũng như Bộ tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển Bền vững GRI (Bộ Tiêu chuẩn GRI) và logo là các nhãn hiệu của tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) Stichting

© 2026 GRI. Bảo lưu mọi quyền.

ISBN 978-90-8866-099-3

Mục lục

Giới thiệu	4
1. Công bố thông tin quản lý chủ đề	7
2. Công bố thông tin theo chủ đề	8
Công bố thông tin 203-1 Đầu tư cơ sở hạ tầng và các dịch vụ được hỗ trợ	8
Công bố thông tin 203-2 Tác động kinh tế gián tiếp quan trọng	10
Thuật ngữ	10
Tài liệu tham khảo	10

Giới thiệu

GRI 202: Sự hiện diện trên thị trường 2016 bao gồm các công bố thông tin để các tổ chức báo cáo về các tác động liên quan đến sự hiện diện trên thị trường và cách họ quản lý những tác động này.

Tiêu chuẩn có cấu trúc như sau:

- **Phần 1** bao gồm yêu cầu cung cấp thông tin về cách tổ chức quản lý các tác động kinh tế gián tiếp của mình.
- **Phần 2** bao gồm hai công bố thông tin cung cấp thông tin về các tác động kinh tế gián tiếp của tổ chức.
- **Bảng thuật ngữ** bao gồm các thuật ngữ được định nghĩa với ý nghĩa cụ thể khi sử dụng trong Bộ Tiêu chuẩn GRI. Các thuật ngữ được gạch chân trong văn bản Bộ Tiêu chuẩn GRI và được liên kết đến định nghĩa
- **Tài liệu tham khảo** liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao được sử dụng trong quá trình xây dựng Tiêu chuẩn này.

Nội dung còn lại của phần Giới thiệu trình bày bối cảnh của chủ đề, tổng quan về hệ thống Bộ Tiêu chuẩn GRI và thông tin bổ sung về cách sử dụng Tiêu chuẩn này.

Bối cảnh của chủ đề

Tiêu chuẩn này đề cập đến chủ đề sự hiện diện trên thị trường của tổ chức, bao gồm đóng góp của tổ chức đó vào sự phát triển kinh tế tại các khu vực hoặc cộng đồng địa phương nơi tổ chức hoạt động. Ví dụ: chủ đề này có thể bao gồm cách tiếp cận của tổ chức đối với vấn đề thù lao hoặc tuyển dụng tại địa phương.

Hệ thống của Bộ Tiêu chuẩn GRI

Tiêu chuẩn này là một phần của Bộ tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển Bền vững GRI (Bộ Tiêu chuẩn GRI). Bộ Tiêu chuẩn GRI cho phép tổ chức báo cáo thông tin về các tác động đáng kể nhất của tổ chức đối với nền kinh tế, môi trường và con người, bao gồm cả tác động đến quyền con người cũng như cách tổ chức quản lý những tác động này.

Bộ tiêu chuẩn GRI có cấu trúc như một hệ thống các tiêu chuẩn tương quan với nhau, được sắp xếp thành ba phần: Tiêu chuẩn GRI Tổng thể, Tiêu chuẩn GRI theo Ngành và Tiêu chuẩn GRI theo Chủ đề (xem [Hình 1](#) trong Tiêu chuẩn này).

Tiêu chuẩn Tổng thể: GRI 1, GRI 2 và GRI 3

GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021 nêu rõ các yêu cầu mà tổ chức phải tuân thủ để báo cáo theo Bộ Tiêu chuẩn GRI. Tổ chức bắt đầu sử dụng Bộ Tiêu chuẩn GRI bằng cách tham khảo *GRI 1*.

GRI 2: Công bố thông tin Chung 2021 bao gồm các công bố thông tin mà tổ chức sử dụng để cung cấp thông tin về hoạt động báo cáo và các thông tin chi tiết khác của tổ chức, chẳng hạn như về hoạt động vận hành, công tác quản trị và các chính sách.

GRI 3: Chủ đề Trọng yếu 2021 đưa ra hướng dẫn về cách xác định các chủ đề trọng yếu. Trong đó bao gồm cả các công bố thông tin mà tổ chức sử dụng để báo cáo thông tin về quy trình xác định các chủ đề trọng yếu, danh sách các chủ đề trọng yếu và cách tổ chức quản lý từng chủ đề.

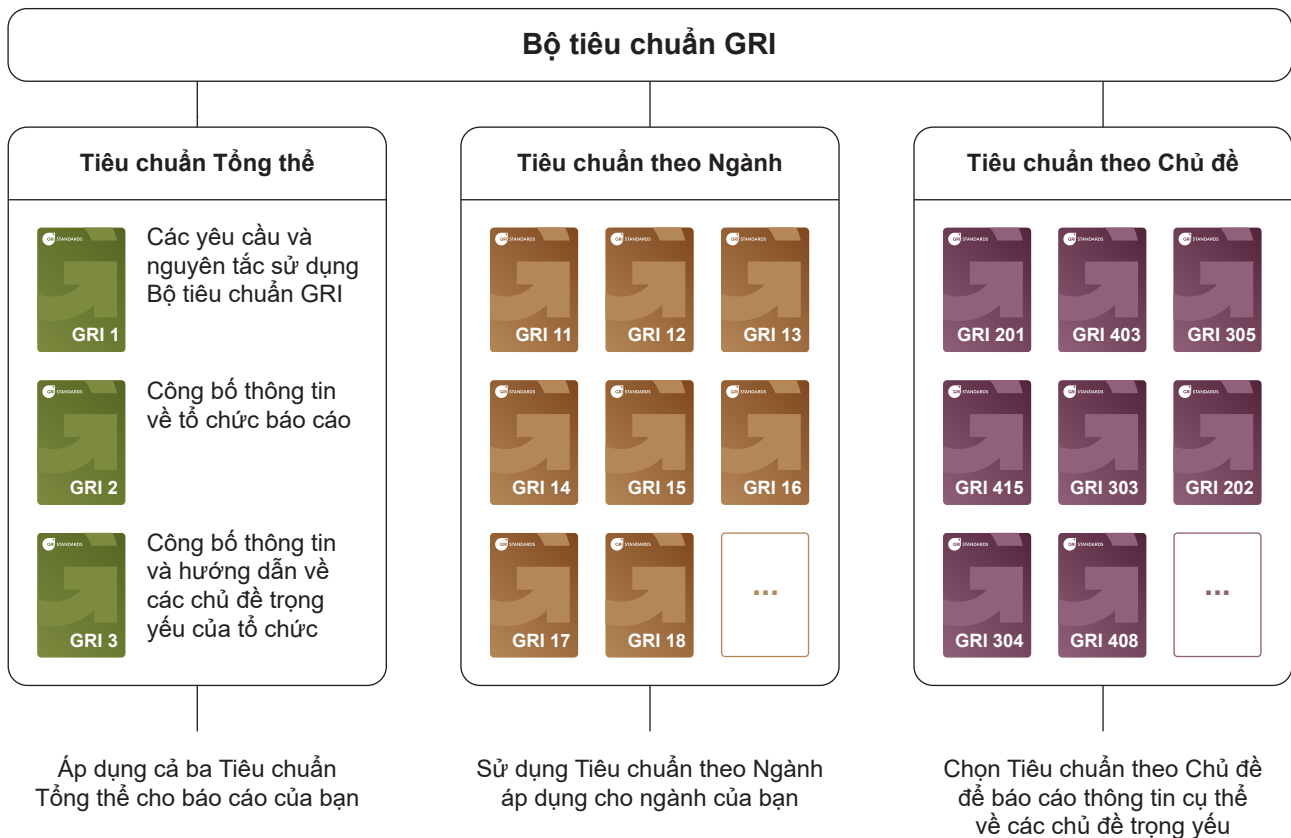
Tiêu chuẩn theo Ngành

Tiêu chuẩn theo Ngành cung cấp các thông tin cho tổ chức về những chủ đề có khả năng là trọng yếu đối với họ. Tổ chức sử dụng Tiêu chuẩn theo Ngành áp dụng cho các lĩnh vực của mình khi xác định các chủ đề trọng yếu và khi xác định nội dung báo cáo cho từng chủ đề trọng yếu.

Tiêu chuẩn theo Chủ đề

Tiêu chuẩn theo Chủ đề bao gồm các công bố thông tin mà tổ chức sử dụng để báo cáo thông tin về các tác động của mình liên quan đến các chủ đề cụ thể. Tổ chức sử dụng Tiêu chuẩn theo Chủ đề theo danh sách các chủ đề trọng yếu đã xác định thông qua *GRI 3*.

\

Hình 1. Bộ tiêu chuẩn GRI: Tiêu chuẩn Tổng thể, Tiêu chuẩn theo Ngành và Tiêu chuẩn theo Chủ đề

Sử dụng Tiêu chuẩn này

Tiêu chuẩn này có thể được sử dụng bởi bất kỳ tổ chức nào – bất kể quy mô, loại hình, ngành nghề, vị trí địa lý hoặc kinh nghiệm báo cáo – để công bố thông tin về các tác động kinh tế gián tiếp của tổ chức đó.

Tổ chức báo cáo theo Bộ Tiêu chuẩn GRI phải báo cáo các công bố thông tin sau nếu đã xác định sự hiện diện trên thị trường chủ đề trọng yếu:

- Công bố thông tin 3-3 trong *GRI 3: Chủ đề Trọng yếu 2021* (xem điều khoản 1.1 trong Tiêu chuẩn này);
- Bất kỳ công bố thông tin nào từ Tiêu chuẩn theo Chủ đề này về các tác động liên quan đến sự hiện diện trên thị trường của tổ chức (Công bố thông tin 202-1 đến Công bố thông tin 202-2).

Xem *Các yêu cầu 4 và 5 trong GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021*.

Có thể đưa ra lý do để lược bỏ những công bố thông tin này.

Nếu không thể tuân thủ việc công bố thông tin hoặc yêu cầu trong việc công bố thông tin (ví dụ: vì thông tin cần công bố là thông tin bảo mật hoặc bị pháp luật cấm), tổ chức phải nêu rõ mục công bố thông tin hoặc yêu cầu mà tổ chức không thể tuân thủ và đưa ra lý do lược bỏ kèm theo lời giải thích trong chỉ mục nội dung GRI. Xem phần *Yêu cầu 6 trong GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021* để biết thêm thông tin về lý do lược bỏ.

Nếu không thể báo cáo thông tin bắt buộc về một mục được chỉ định trong công bố thông tin vì mục đó (ví dụ: ủy ban, chính sách, thông lệ, quy trình) không tồn tại, tổ chức có thể tuân thủ yêu cầu bằng cách báo cáo tình huống thực tế đó. Tổ chức có thể giải thích lý do không có mục này hoặc trình bày bất kỳ kế hoạch nào để phát triển mục này. Việc công bố thông tin không yêu cầu tổ chức phải thực hiện mục đó (ví dụ: xây dựng chính sách) nhưng phải báo cáo mục đó không tồn tại.

Nếu có ý định công bố báo cáo phát triển bền vững độc lập, tổ chức không cần lặp lại thông tin đã công bố ở nơi khác, chẳng hạn như trên các trang web hoặc trong báo cáo thường niên. Trong trường hợp đó, tổ chức có thể báo cáo nội dung công bố thông tin bắt buộc bằng cách cung cấp tham chiếu trong chỉ mục nội dung GRI đến nơi có thể tìm thấy

thông tin này (ví dụ: bằng cách cung cấp liên kết đến trang web hoặc trích dẫn trang trong báo cáo thường niên nơi thông tin đã được công bố).

Các yêu cầu, hướng dẫn và các thuật ngữ được định nghĩa

Những nội dung sau đây được áp dụng trong toàn bộ Tiêu chuẩn này:

Các yêu cầu bắt buộc được trình bày bằng phông **chữ in đậm** và được biểu thị bằng từ “cần phải”. Tổ chức phải tuân thủ các yêu cầu báo cáo theo Bộ Tiêu chuẩn GRI. Yêu cầu bắt buộc có thể kèm theo hướng dẫn.

Hướng dẫn bao gồm thông tin bối cảnh, giải thích và ví dụ để giúp tổ chức hiểu rõ hơn về các yêu cầu.

Tổ chức không bắt buộc phải tuân thủ hướng dẫn. Tiêu chuẩn cũng có thể bao gồm các khuyến nghị. Đây là những tình huống trong đó một hành động cụ thể được khuyến khích nhưng không bắt buộc phải thực hiện.

Từ “nên” biểu thị khuyến nghị, còn từ “có thể” biểu thị khả năng hoặc lựa chọn.

Các thuật ngữ được định nghĩa sẽ được gạch chân trong văn bản Bộ tiêu chuẩn GRI và được liên kết với định nghĩa tương ứng trong [Bảng thuật ngữ](#). Tổ chức phải áp dụng những định nghĩa trong Bảng thuật ngữ.

1. Công bố thông tin quản lý chủ đề

Tổ chức báo cáo theo Bộ Tiêu chuẩn GRI phải báo cáo cách tổ chức quản lý từng chủ đề trọng yếu của mình.

Tổ chức xác định sự hiện diện trên thị trường là chủ đề trọng yếu phải báo cáo cách thức quản lý chủ đề này theo [Công bố thông tin 3-3 trong GRI 3: Chủ đề Trọng yếu 2021](#) (xem điều khoản 1.1 trong phần này).

Do đó, phần này được soạn thảo để bổ sung nhưng không thay thế [Công bố thông tin 3-3 trong GRI 3](#).

YÊU CẦU

1.1

Tổ chức báo cáo cần phải báo cáo cách thức quản lý sự hiện diện trên thị trường theo [Công bố thông tin 3-3 trong GRI 3: Chủ đề Trọng yếu 2021](#).

2. Công bố thông tin theo chủ đề

Tổ chức được kỳ vọng tổng hợp thông tin để công bố thông tin kinh tế theo số liệu từ báo cáo tài chính đã kiểm toán, hoặc từ báo cáo kế toán quản trị đã được kiểm toán nội bộ, mỗi khi có thể. Ví dụ: có thể tổng hợp dữ liệu theo:

- Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS) có liên quan, do Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IASB) ban hành, và Diễn giải do Ủy ban Diễn giải Chuẩn mực IFRS soạn lập (một số công bố thông tin có tham chiếu IFRS cụ thể);
- Chuẩn mực Kế toán Công Quốc tế (IPSAS) do Liên đoàn Kế toán Quốc tế (IFAC) ban hành;
- các chuẩn mực quốc gia hoặc khu vực được quốc tế công nhận cho mục đích báo cáo tài chính.

Công bố thông tin 203-1 Đầu tư cơ sở hạ tầng và các dịch vụ được hỗ trợ

YÊU CẦU

Tổ chức báo cáo cần phải cung cấp những thông tin sau đây:

- Khi số lượng nhân viên được trả thù lao theo lương dựa trên các quy tắc về tiền lương tối thiểu chiếm tỷ lệ đáng kể, thì cần báo cáo tỷ lệ của mức lương khởi điểm tương ứng theo giới tính tại các địa điểm hoạt động quan trọng so với mức lương tối thiểu.
- Khi một tỷ lệ đáng kể người lao động khác (không bao gồm nhân viên) thực hiện các hoạt động của tổ chức được trả thù lao theo lương dựa trên các quy tắc về tiền lương tối thiểu, thì cần trình bày các biện pháp đã thực hiện để xác định liệu những người lao động này có được trả cao hơn mức lương tối thiểu hay không.
- Liệu mức lương tối thiểu vùng có bị bỏ qua hay thay đổi phụ thuộc vào giới tính ở các địa điểm hoạt động quan trọng không. Trong trường hợp có thể sử dụng các mức lương tối thiểu khác nhau, thì báo cáo mức lương tối thiểu đang được sử dụng.
- Định nghĩa dùng cho thuật ngữ “các địa điểm hoạt động quan trọng”.

KHUYẾN NGHỊ

2.1 Khi biên soạn thông tin nêu trong Công bố thông tin 202-1-b, tổ chức báo cáo nên:

- 2.1.1 sử dụng dữ liệu từ Công bố thông tin 2-8 trong GRI 2: Công bố thông tin Chung 2021 để xác định tổng số người lao động không phải là nhân viên và công việc của họ được tổ chức kiểm soát;
- 2.1.2 chuyển đổi mức lương khởi điểm sang cùng đơn vị được áp dụng cho mức lương tối thiểu (ví dụ: lương theo giờ hoặc lương tháng), nếu thích hợp;
- 2.1.3 khi một tỷ lệ đáng kể người lao động khác (không bao gồm nhân viên) thực hiện các hoạt động của tổ chức được trả thù lao theo mức lương dựa trên các quy tắc về tiền lương tối thiểu, thì cần báo cáo tỷ lệ của mức lương khởi điểm tương ứng theo giới tính tại các địa điểm hoạt động quan trọng so với mức lương tối thiểu.

HƯỚNG DẪN

Công bố thông tin này được áp dụng cho những tổ chức mà một phần đáng kể nhân viên và người lao động (không phải là nhân viên) thực hiện các hoạt động của tổ chức được trả thù lao theo phương thức hoặc thang lương tuân thủ chặt chẽ luật pháp hoặc các quy định về mức lương tối thiểu.

Việc trả lương cao hơn mức lương tối thiểu có thể giúp đóng góp cho an sinh kinh tế của người lao động thực hiện các hoạt động của tổ chức. Mức lương có tác động tức thì và ảnh hưởng trực tiếp đến các cá nhân, tổ chức, quốc gia và nền kinh tế. Phân bổ mức lương có ý nghĩa quan trọng để loại bỏ sự bất bình đẳng, như khoảng cách chênh lệch mức lương giữa phụ nữ và nam giới, hay giữa công dân và người nhập cư.

Ngoài ra, mức lương khởi điểm so với mức lương tối thiểu vùng cho thấy năng lực cạnh tranh về lương của tổ chức và cung cấp thông tin phù hợp để đánh giá ảnh hưởng của tiền lương đối với thị trường lao động địa phương. So sánh thông tin này theo giới tính cũng có thể là thước đo để đánh giá phương pháp tiếp cận của tổ chức đối với vấn đề cơ hội bình đẳng ở nơi làm việc.

Công bố thông tin 203-2 Tác động kinh tế gián tiếp quan trọng

YÊU CẦU

Tổ chức báo cáo cần phải cung cấp những thông tin sau đây:

- a. Tỷ lệ quản lý cấp cao tại những địa điểm hoạt động quan trọng được tuyển dụng từ cộng đồng địa phương.
- b. Định nghĩa được sử dụng cho thuật ngữ “quản lý cấp cao”.
- c. Định nghĩa địa lý của thuật ngữ “địa phương” của tổ chức.
- d. Định nghĩa dùng cho thuật ngữ “các địa điểm hoạt động quan trọng”.

Các yêu cầu khi biên soạn

2.2 Khi biên soạn thông tin trong Công bố thông tin 202-2, tổ chức báo cáo cần phải tính toán tỷ lệ phần trăm này bằng dữ liệu về nhân viên toàn thời gian.

HƯỚNG DẪN

Quản lý cấp cao được tuyển dụng từ cộng đồng địa phương bao gồm những cá nhân sinh ra hoặc có quyền cư trú hợp pháp vô thời hạn (ví dụ: công dân nhập tịch hoặc người có thị thực vô thời hạn) ở cùng thị trường địa lý với cơ sở hoạt động của tổ chức. Định nghĩa địa lý của thuật ngữ “địa phương” có thể bao gồm cộng đồng xung quanh cơ sở hoạt động, một khu vực trong phạm vi quốc gia hoặc một quốc gia.

Bối cảnh

Việc đưa các thành viên đến từ cộng đồng địa phương vào đội ngũ quản lý cấp cao của tổ chức thể hiện sự hiện diện tích cực trên thị trường của tổ chức. Việc đưa các thành viên đến từ cộng đồng địa phương vào đội ngũ quản lý có thể giúp thúc đẩy nguồn vốn nhân lực. Sự hiện diện của thành viên từ cộng đồng địa phương trong đội ngũ quản lý cũng có thể gia tăng lợi ích kinh tế cho cộng đồng địa phương và cải thiện khả năng nắm bắt nhu cầu địa phương của tổ chức.

Tài liệu tham khảo

Phần này liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao được sử dụng trong quá trình xây dựng Tiêu chuẩn này.

Các văn kiện có giá trị tham chiếu:

1. Công ước của Liên Hợp Quốc (UN), “Công ước Xóa bỏ Tất cả các Hình thức Phân biệt đối xử chống lại Phụ nữ (CEDAW)”, 1979.

Thuật ngữ

Bảng thuật ngữ này trình bày định nghĩa của các thuật ngữ được sử dụng trong Tiêu chuẩn này. Tổ chức phải áp dụng những định nghĩa này khi sử dụng Bộ Tiêu chuẩn GRI.

Các định nghĩa trong danh mục thuật ngữ này có thể chứa các thuật ngữ được định nghĩa chi tiết hơn trong [Bảng Thuật ngữ đầy đủ của Bộ Tiêu chuẩn GRI](#). Tất cả các thuật ngữ có định nghĩa đều được gạch chân. Trường hợp một thuật ngữ chưa được định nghĩa trong Bảng Thuật ngữ này hoặc trong Bảng Thuật ngữ đầy đủ của Bộ Tiêu chuẩn GRI, các định nghĩa được sử dụng và hiểu phổ biến sẽ được áp dụng.

C

chủ đề trọng yếu (material topics)

Các chủ đề phản ánh những tác động đáng kể nhất của tổ chức đến kinh tế, môi trường và con người, bao gồm cả các tác động đến quyền con người của họ

Lưu ý: Hãy xem [mục 2.2 trong GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021](#) và [phần 1 trong GRI 3: Chủ đề Trọng yếu 2021](#) để biết thêm thông tin về “chủ đề trọng yếu”.

cơ sở hạ tầng (infrastructure)

các cơ sở được xây dựng chủ yếu để cung cấp một dịch vụ hoặc hàng hóa công cộng thay vì mục đích thương mại và tổ chức không tìm kiếm lợi ích kinh tế trực tiếp từ đó

Ví dụ: bệnh viện, đường xá, trường học, các cơ sở cấp nước

chuỗi cung ứng (supply chain)

phạm vi hoạt động được thực hiện bởi các thực thể thượng nguồn của tổ chức, cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ được sử dụng trong quá trình phát triển các sản phẩm hoặc dịch vụ của chính tổ chức

chuỗi giá trị (value chain)

phạm vi các hoạt động do tổ chức cũng như các thực thể thượng nguồn và hạ nguồn của tổ chức thực hiện, để đưa các sản phẩm hoặc dịch vụ của tổ chức từ khi hình thành ý tưởng đến giai đoạn sử dụng cuối cùng

Lưu ý 1: Các thực thể thượng nguồn của tổ chức (ví dụ: nhà cung cấp) cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ được sử dụng trong quá trình phát triển các sản phẩm hoặc dịch vụ của chính tổ chức. Các thực thể hạ nguồn của tổ chức (ví dụ: nhà phân phối, khách hàng) nhận sản phẩm hoặc dịch vụ từ tổ chức.

Lưu ý 2: Chuỗi giá trị bao gồm chuỗi cung ứng.

D

dịch vụ được hỗ trợ (services supported)

Các dịch vụ mang lại lợi ích cho cộng đồng được tổ chức hỗ trợ thông qua việc trực tiếp chi trả chi phí vận hành hoặc bố trí nhân sự của tổ chức để tham gia vận hành cơ sở hoặc cung cấp dịch vụ đó bằng nhân viên của chính tổ chức.

Lưu ý: Lợi ích cộng đồng cũng có thể bao gồm các dịch vụ công cộng.

đối tác kinh doanh (business partner)

thực thể mà tổ chức có một số hình thức hợp tác trực tiếp và chính thức nhằm mục đích đạt được các mục tiêu kinh doanh của mình

Nguồn: Shift và Mazars LLP, *Khung Báo cáo theo Nguyên tắc Hướng dẫn của Liên hợp quốc*, 2015; đã sửa đổi

Ví dụ: các đơn vị liên kết khách hàng doanh nghiệp, khách hàng, nhà cung cấp cấp một, đơn vị nhượng quyền, đối tác liên doanh, và các công ty đầu tư mà tổ chức có cổ phần

Lưu ý: Đối tác kinh doanh không bao gồm các công ty con và đơn vị liên kết mà tổ chức kiểm soát.

L

lương khởi điểm (entry level wage)

khoản tiền công toàn thời gian trả cho người lao động theo phân loại việc làm thấp nhất

Lưu ý: Tiền công thực tập hoặc học nghề không được coi là lương khởi điểm.

M**mức lương tối thiểu của vùng (local minimum wage)**

mức thù lao tối thiểu để sử dụng lao động, trả theo một giờ hoặc đơn vị thời gian khác, được pháp luật cho phép

Lưu ý: Một số quốc gia có nhiều mức lương tối thiểu, chẳng hạn như theo tiểu bang, theo tỉnh hoặc theo phân loại việc làm.

N**nhân viên (employee)**

cá nhân có mối quan hệ việc làm với tổ chức, theo thông lệ hoặc luật pháp quốc gia

nhà cung cấp (supplier)

thực thể thượng nguồn của tổ chức (tức là trong chuỗi cung ứng của tổ chức), cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ được sử dụng trong quá trình phát triển các sản phẩm hoặc dịch vụ của chính tổ chức

Ví dụ: nhà môi giới, nhà tư vấn, nhà thầu, nhà phân phối, bên nhận nhượng quyền thương mại, người lao động làm việc tại nhà, nhà thầu độc lập, người được cấp phép, nhà sản xuất, nhà sản xuất nguyên liệu thô, nhà thầu phụ, đại lý bán buôn

Lưu ý: Nhà cung cấp có thể có quan hệ kinh doanh trực tiếp với tổ chức (thường được gọi là nhà cung cấp cấp một) hoặc quan hệ kinh doanh gián tiếp.

nhân viên toàn thời gian (full-time employee)

nhân viên có số giờ làm việc theo tuần, tháng, hoặc năm được xác định theo thông lệ hay luật của nước sở tại về thời gian làm việc

người lao động (worker)

người thực hiện công việc cho tổ chức

Ví dụ: nhân viên, nhân viên đại lý, người học nghề, nhà thầu, người lao động làm việc tại nhà, thực tập sinh, người tự kinh doanh, nhà thầu phụ, tình nguyện viên và những người làm việc cho các tổ chức không phải là tổ chức báo cáo, ví dụ như làm việc cho nhà cung cấp

Lưu ý: Trong Tiêu chuẩn GRI, một số trường hợp sẽ quy định rõ có cần sử dụng một nhóm người lao động cụ thể hay không.

P**phát triển bền vững/tính bền vững (sustainable development / sustainability)**

sự phát triển đáp ứng nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai

Nguồn: Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển, *Tương lai Chung của Chúng ta*, 1987

Lưu ý: Trong Tiêu chuẩn GRI, thuật ngữ “tính bền vững” và “phát triển bền vững” được dùng thay thế cho nhau.

Q**quyền con người (human rights)**

các quyền vốn có của tất cả con người, trong đó tối thiểu bao gồm các quyền được nêu trong *Tuyên ngôn Quốc tế về Quyền Con người của Liên hợp quốc (UN)* và các nguyên tắc liên quan đến các quyền cơ bản được nêu trong Tuyên bố về các *Nguyên tắc và Quyền Cơ bản tại Nơi làm việc của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO)*

Nguồn: Liên hợp quốc (UN), *Nguyên tắc Hướng dẫn về Kinh doanh và Quyền Con người: Thực hiện Khung “Bảo vệ, Tôn trọng và Khắc phục” của Liên hợp quốc*, 2011; đã sửa đổi

Lưu ý: Xem [Hướng dẫn 2-23-b-i trong GRI 2: Công bố Chung 2021](#) để biết thêm thông tin về “quyền con người”.

quan hệ kinh doanh (business relationships)

mối quan hệ giữa tổ chức với các đối tác kinh doanh, với các thực thể trong chuỗi giá trị của mình bao gồm cả những thực thể ngoài các nhà cung cấp cấp một và với bất kỳ thực thể nào khác có liên quan trực tiếp đến hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của tổ chức

Nguồn: Liên hợp quốc (UN), *Nguyên tắc Hướng dẫn về Kinh doanh và Quyền Con người*:

Thực hiện Khung “Bảo vệ, Tôn trọng và Khắc phục” của Liên hợp quốc, 2011; đã sửa đổi

Lưu ý: Ví dụ về các bên khác có liên quan trực tiếp đến hoạt động, sản phẩm, hoặc dịch vụ của tổ chức bao gồm: một tổ chức phi chính phủ mà tổ chức phối hợp để thực hiện các hoạt động hỗ trợ cộng đồng địa phương hoặc các lực lượng an ninh nhà nước thực hiện nhiệm vụ bảo vệ cơ sở vật chất của tổ chức.

T

tác động (impact)

ảnh hưởng đã có hoặc có thể có của một tổ chức đối với kinh tế, môi trường và con người, bao gồm cả nhân quyền của họ; các tác động này phản ánh mức độ đóng góp (tích cực hoặc tiêu cực) của tổ chức đối với phát triển bền vững

Lưu ý 1: Tác động có thể là tác động đã xảy ra hoặc có thể xảy ra, tích cực hoặc tiêu cực, ngắn hạn hoặc dài hạn, có chủ định hoặc không chủ định và có thể đảo ngược hoặc không thể đảo ngược.

Lưu ý 2: Hãy xem [mục 2.1 trong GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021](#) để biết thêm thông tin về “tác động”.



PO Box 10039
1001 EA Amsterdam
The Netherlands

www.globalreporting.org